

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2019

“Tranh chấp về ly hôn và
yêu cầu nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liềm

Bà Tạ Thúy Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hát – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Kiều D, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Bùi Kim N, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 01/4/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Kiều D trình bày:

Vào năm 2012, chị kết hôn cùng với anh Bùi Kim N. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Sau khi cưới, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 02 năm, về sau mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt do bất đồng trong quan điểm sống. Thời gian mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và anh chị cũng tự ly thân với nhau từ tháng 5/2017 đến nay. Mặc dù, gia đình hai bên nhiều lần hòa giải, động viên để vợ chồng chị hàn gắn nhưng

không có kết quả. Nay, chị xét thấy vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên: Bùi Hoài A – sinh ngày 13/02/2013. Hiện con đang sống cùng với chị.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị Ngô Kiều D xin được ly hôn với anh Bùi Kim N; về con chung, chị xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Kim N đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh N không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Ngô Kiều D được ly hôn với anh Bùi Kim N; Về con chung: Giao con chung tên Bùi Hoài A – sinh ngày 13/02/2013 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung, nợ chung miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Ngô Kiều D khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Kim N được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Bùi Kim N với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Kiều D và anh Bùi Kim N xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau tại Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2012, ngày 13/4/2012. Theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Ngô Kiều D xin ly hôn với anh Bùi Kim N vì lý do vợ chồng chị thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, thời gian mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và ngày càng gay gắt làm cho cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc. Đối với anh Bùi Kim N, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp vào ngày 07/6/2019 và ngày 17/7/2019 để tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh N không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Anh N cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị D cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị D tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn, mặc dù, anh chị đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải, động viên để vợ chồng hàn gắn với nhau nhưng vẫn không thể hàn gắn được, bản thân chị D cũng không còn tình cảm yêu thương dành cho chồng vì thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, suốt quãng thời gian đó, anh N không đến thăm hỏi mẹ con chị cũng như để vợ chồng trao đổi, hòa giải giải với nhau. HĐXX thấy rằng, do khi cưới nhau anh chị đã không tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị D xác định, anh chị có 01 con chung tên Bùi Hoài A – sinh ngày 13/02/2013, cháu A hiện đang sống cùng với chị D nên chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chồng cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ kiện, anh N không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị D.

Xét con chung của chị D và anh N từ khi ly thân do một mình chị Ngọc chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu A cũng được phát triển về mọi mặt. Vì vậy, cần thiết phải giao con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh N không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng không thiếu nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ chị Ngô Kiều D phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 131, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận cho chị Ngô Kiều D được ly hôn với anh Bùi Kim N.

Về con chung: Giao con chung tên Bùi Hoài A – sinh ngày 13/02/2013 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Ngô Kiều D phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004061, ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Ngô Kiều D đã nộp xong án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Trí Phải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhập